

NỘI ĐỊA

Số: 03/QLĐTND-KH

Quảng Trị, ngày 01 tháng 02 năm 2020

THÔNG BÁO LƯỜNG
(Tháng 01 năm 2020)

I. Tình hình mực nước:

TT	Sông	Trạm	Mực nước lớn nhất trong tháng (Hmax)		Mực nước nhỏ nhất trong tháng (Hmin)		Ghi chú
			Mực nước (m)	Thời gian	Mực nước (m)	Thời gian	
1	Sông Hiếu	Sông Hiếu	+0,64	15h00 ngày 01/01/2020	-0,40	17h00 ngày 25/01/2020	
2	Thạch Hãn	Thạch Hãn	+0,71	16h00 ngày 01/01/2020	-0,36	16h00 ngày 21/01/2020	
3	Bến Hải	Bến Hải	+0,55	13h00 ngày 01/01/2020	-0,50	18h00 ngày 24/01/2020	

II. Tình hình luồng:

TT	Tuyến Sông	Vật chướng ngại, cầu, đường dây điện	Lý trình (địa danh)	Các đặc trưng luồng			
				Độ sâu nhỏ nhất h _{min} (m)	Độ sâu lớn nhất h _{max} (m)	Độ sâu thực đo h (m)	Chiều rộng B (m)
A	Sông Hiếu						
I		Cầu					
1		Cửa Việt	Km0+150	12,46	13,50	13,10	50
2		Đông Hà	Km15+00	7,92	8,96	8,56	25
3		Đường sắt Đông Hà	Km16+550	6,43	7,47	7,07	25
4		Sông Hiếu	Km18+550	9,96	11,00	10,60	25
5		Cầu Treo	Km21+400	6,11	7,15	6,75	80
6		Cam Hiếu	Km22+600	7,68	8,72	8,32	25
II		Đường dây điện					
1		110KV	Km12+300	18,98	20,02	19,62	
2		500KV	Km20+400	29,11	30,15	29,75	
III		Vật chướng ngại					
1		Kè mở hàn	Km12+850	-0,97	0,07	-0,33	
2		Kè mở hàn	Km13+500	-0,89	0,15	-0,25	
3		Trụ cầu đường sắt	Km16+550	2,49	3,53	3,13	
4		Kè mở hàn	Km25+450	-1,05	-0,01	-0,41	
B	Thạch Hãn						
I		Cầu					
1		Phao Trung Yên	Km2+00	1,85	2,92	2,56	4,5



2	Dải Lọc	Km 4+700	8,08	9,15	8,79	25
3	An Mô (cũ)	Km11+300	5,72	6,79	6,43	15
4	An Mô (mới)	Km11+300	8,37	9,44	9,08	25
5	Thành Cỏ	Km14+770	8,24	9,31	8,95	40
6	Đường bộ Thạch Hãn	Km16+900	8,03	9,10	8,74	20
7	Đường sắt Thạch Hãn	Km17+00	7,26	8,33	7,97	30
II	Đường dây điện					
1	35KV, đường dây VNPT	Km1+950	6,07	7,14	6,78	
2	35KV	Km5+000	8,67	9,74	9,38	
3	110KV	Km16+000	18,89	19,96	19,60	
4	110KV	Km17+800	19,41	20,48	20,12	
5	500KV	Km23+000	29,08	30,15	29,79	
III	Vật chướng ngại					
1	Bãi đá ngầm	Km9+000	-0,63	0,44	0,08	
2	Kè mố hàn	Km12+500	-0,93	0,14	-0,22	
3	Kè mố hàn	Km13+000	-0,98	0,09	-0,27	
4	Kè mố hàn	Km13+300	-0,96	0,11	-0,25	
5	Kè mố hàn	Km13+600	-1,20	-0,13	-0,49	
6	Kè mố hàn	Km13+750	-1,14	-0,07	-0,43	
7	Kè mố hàn	Km13+900	-1,15	-0,08	-0,44	
8	Bãi đá ngầm	Km16+300	-0,56	0,51	0,15	
9	Bãi đá ngầm	Km17+250	0,08	1,15	0,79	
C	Bến Hải					
I	Cầu					
1	Cửa Tùng	Km 0+750	11,69	12,74	12,24	50
2	Hiện Lương (di tích)	Km 9+800	2,80	3,85	3,35	26
3	Hiện Lương	Km 9+800	6,94	7,99	7,49	30
4	Châu Thị (mới)	Km15+800	7,97	9,02	8,52	15
5	Phúc Lâm	Km18+00	3,95	5,00	4,50	13
6	Đường sắt Sa Lung	Km22+350	3,99	5,04	4,54	15
7	Cầu phao Huỳnh Xá Hà	Km1+600	1,39	2,44	1,94	5
8	Hiện Lương II	Km3+700	9,80	10,85	10,35	25
9	Đường sắt Tiên An	Km5+350	3,31	4,36	3,86	42
II	Đường dây điện					
1	35KV, Đường dây VNPT	Km2+750	9,19	10,24	9,74	
2	110KV	Km9+400	3,21	4,26	3,76	
3	110KV	Km15+200	4,17	5,22	4,72	
4	500KV	Km12+000	28,75	29,80	29,30	
III	Vật chướng ngại					
1	Kè mố hàn	Km4+150	-0,95	0,10	-0,40	

2		Kè mở hàn	Km4+700	-1,03	0,02	-0,48	
3		Trụ cầu đường sắt Sa Lung	Km22+380	1,89	2,94	2,44	

III. Bãi cạn:

III. Bãi cạn:									
TT	Tuyến Sông	Tên bãi cạn	Lý trình	Độ sâu	Mực nước	Cao độ	Chiều rộng	Chiều dài	Ngày đo
				h(m)	H(m)	Z(m)	B(m)	L(m)	
I	Sông Hiếu								
1		Đông Giang	Km15+200 ÷ Km16+200	1,50	-0,36	-1,86	80	200	16h00 ngày 21/1/2020
2		Đông Thanh	Km16+000 ÷ Km18+200	1,30	-0,36	-1,66	80	150	15h00 ngày 21/1/2020
3		Lâm Lang 2	Km24+800 ÷ Km26+100	1,80	0,10	-1,70	80	800	10h00 ngày 21/1/2020
II	Thạch Hãn								
1		Như Lệ	Km22+700 ÷ Km24+300	1,84	-0,19	-2,03	80	500	14h00 ngày 19/01/2020
2		Ba Lòng	Km43+400 ÷ Km46+00	0,93	+0,5	-0,43	80	1500	14h00 ngày 15/01/2020
III	Bến Hải								
1		Cửa Tùng	Km0+000 ÷ Km2+000	1,70	0,06	-1,64	80	1500	10h00 ngày 30/01/2020

IV. Một số điều lưu ý:

1. Dự báo tình hình mực nước tháng kế tiếp:

Thời tiết trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay đang là mùa xuân, mực nước trên các tuyến sông trong các tháng tiếp theo sẽ giảm. Luồng qua khu vực các bãi cạn Đông Giang, Ba Lòng, Cửa Tùng,... bị bồi lấp nghiêm trọng, phương tiện thủy đi lại dễ bị mắc cạn, nguy cơ gây mất an toàn giao thông đường thủy, các phương tiện thủy lưu thông qua lại khu vực trên chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.

Tại Km17+700 tuyến sông Hiếu đang triển khai thi công công trình đập ngăn mặn. Đề nghị các phương tiện thủy di chuyển qua khu vực chú ý quan sát hệ thống phao, biển báo và hướng dẫn của Trạm điều tiết để điều khiển phương tiện thuận lợi, an toàn.

2. Tình hình hoạt động khai thác cát trên các tuyến sông:

* Các mỏ khai thác khoáng sản được UBND tỉnh cấp phép khai thác:

- Sông Thạch Hãn: có 05 vị trí:

- + Công ty TNHH MTV Dịch vụ số 1 Thành Thành Công tại Km22+600;
- + Công ty Cổ phần Thiên Phú tại Km 22+900;
- + Hợp tác xã sản xuất vật liệu xây dựng và khai thác cát, sỏi Như Lệ tại Km 23+000;
- + Công ty TNHH MTV Nguyên Hà tại Km 38+700;
- + Công ty TNHH MTV Sơn Dũng Quảng Trị tại Km 37+000.
- Sông Bến Hải: không có.
- Sông Hiếu: không có.

Đoạn Quản lý đường thủy nội địa Quảng Trị thông báo hiện trạng luồng chạy tàu trên các tuyến sông để các cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia giao thông đường thủy nội địa được biết. Các chủ phương tiện lưu thông trên các tuyến sông cần chủ động tìm hiểu điều kiện thực tế của luồng và chỉ dẫn của báo hiệu để quyết định điều khiển phương tiện qua lại an toàn./.

Nơi nhận:

- Cục ĐTNĐ Việt Nam;
- Phòng QL KCHT GT;
- Lưu: VT, KH.



Phạm Uy Vũ